

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

HỒ CÔNG HỢP  
Viện Khoa học Xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên  
LÊ THỊ HỒNG PHƯƠNG  
Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Nhận bài ngày 03/9/2026. Sửa chữa xong 05/10/2026. Duyệt đăng 19/10/2026.

## **Abstract**

*Student research plays an important role in improving educational quality and developing students' knowledge and transferable skills at the College of Social Sciences and Humanities, Vinh University. However, evidence from the implementation of student research projects and a survey of 186 students reveals persistent limitations in both research quantity and quality. This study analyzes the current situation and identifies key barriers to student research. Based on the findings, it proposes a comprehensive set of short- and long-term solutions to enhance the quality and effectiveness of student research activities at the institution.*

**Keywords:** College of Social Sciences and Humanities; research quality; scientific research; students; Vinh University.

## **1. Đặt vấn đề**

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) là vô cùng quan trọng, thông qua hoạt động này sẽ giúp cho sinh viên (SV) trải nghiệm từ lý thuyết đến thực tiễn, rèn luyện và nâng cao khả năng tư duy sáng tạo; khả năng tìm tòi, khám phá; khả năng tự học, tự bồi dưỡng kiến thức, từ đó hình thành nên kỹ năng mềm cho SV. Đặc biệt, đối với SV khối ngành khoa học xã hội và nhân văn (KHXXH&NV) thì NCKH có vai trò rất trọng trong phát triển tư duy phản biện, kỹ năng phân tích xã hội. Chính vì vậy, việc xác định phát triển nghiên cứu khoa học của SV là một trong những hoạt động giáo dục quan trọng của trường, phù hợp với thực tiễn và chức năng của Nhà trường hiện nay và góp phần vào hoàn thành mục tiêu chung trong sứ mệnh “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế” (Hội đồng trường Trường Đại học Vinh, 2022).

Trường KHXXH&NV được thành lập ngày 01/9/2021 theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐT, ngày 21/7/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh trên cơ sở sáp nhập Khoa Luật và Viện KHXXH&NV. Trường KHXXH&NV là đơn vị thuộc Trường Đại học Vinh, có chức năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và phục vụ cộng đồng (Hội đồng trường Trường Đại học Vinh, 2021). Trong bối cảnh, Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của SV trong cơ sở giáo dục đại học đã khẳng định rõ mục tiêu hoạt động NCKH của SV là “Hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho SV; góp phần phát hiện và bồi dưỡng các nhà khoa học trẻ tài năng, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực trình độ cao” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021, Điều 2). Chính vì vậy, trong quá trình đào tạo Nhà trường luôn quan tâm phát triển, khuyến khích và thúc đẩy hoạt động NCKH cho SV với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần tạo ra tri thức mới, sản

Email: [hoconghop09061998@gmail.com](mailto:hoconghop09061998@gmail.com)

phẩm mới cho xã hội. Thời gian qua, SV của trường đã có nhiều đề tài NCKH đạt kết cao trong các cuộc thi NCKH cấp trường và cấp Bộ.

Mặc dù vai trò của hoạt động NCKH đối với SV đúng là vô cùng quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường, nhưng việc phát triển hoạt động NCKH trong SV hiện nay là không dễ dàng. Bởi SV của Trường KHXH&NV nói riêng và Trường Đại học Vinh nói chung đều xuất phát từ các tỉnh Bắc Trung Bộ, nhiều bạn có hoàn cảnh khó khăn nên các bạn thường sẽ lựa chọn đi làm thêm để trang trải học tập và sinh hoạt; cũng như nhiều SV vẫn có nhận thức rằng NCKH là việc rất khó hay xem đây là việc của giảng viên (GV). Vậy, làm thế nào để cải thiện những bất cập đang gặp phải nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động NCKH của SV? Để giải quyết vấn đề này, bài viết tập trung trả lời ba câu hỏi nghiên cứu cốt lõi: (1) *Thực trạng chất lượng và mức độ tham gia NCKH của SV Trường KHXH&NV, Đại học Vinh hiện nay ra sao?* (2) *Những rào cản tâm lý, học thuật và thể chế nào tác động tiêu cực đến kết quả NCKH của SV?* (3) *Đâu là hệ thống giải pháp đồng bộ mang tính đột phá nhằm nâng cao năng lực học thuật cho SV khối ngành này?* NCKH đóng góp trực tiếp vào hệ thống lý luận về quản lý hoạt động học thuật của SV bậc đại học, đồng thời cung cấp các dữ liệu thực nghiệm đáng tin cậy cho việc hoạch định chính sách phát triển người học tại các cơ sở giáo dục đại học vùng Bắc Trung Bộ.

## **2. Phương pháp nghiên cứu**

Hoạt động NCKH của SV luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt trong chiến lược phát triển giáo dục đại học. Nhiều công trình trong nước đã đề cập đến vai trò của NCKH như đòn bẩy nâng cao tư duy phản biện (Huỳnh Quốc Thắng, 2021) hay các giải pháp quản lý vĩ mô của GV và nhà trường (Nguyễn Thị Thùy Giang & Nguyễn Hữu Lập, 2023). Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay thiên về mô tả chung hoặc tập trung vào các trường đại học trọng điểm quốc gia, chưa đi sâu phân tích đặc thù của các trường đại học vùng như Trường Đại học Vinh - nơi SV chịu nhiều áp lực về sinh kế, việc làm thêm và hạn chế về nguồn lực tiếp cận học liệu chuyên sâu. Trên cơ sở lý luận và mục đích nghiên cứu, đánh giá đúng thực trạng để đề xuất giải pháp khả thi nhằm “vừa tăng chất, vừa tăng lượng” cho phong trào NCKH của SV, bài viết đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với phương pháp định lượng để làm rõ các vấn đề.

*Thứ nhất, phương pháp tổng quan tài liệu* được sử dụng để thu thập, hệ thống hóa các tài liệu liên quan đến hoạt động NCKH của SV. Nguồn tài liệu bao gồm các báo cáo tổng kết hoạt động SV NCKH của Trường KHXH&NV và Trường Đại học Vinh, bài viết khoa học liên quan đến NCKH của SV và thông tin thực tiễn.

*Thứ hai, phương pháp phân tích các báo cáo* được sử dụng để làm rõ kết quả đạt được từ hoạt động NCKH của SV Trường KHXH&NV. Đồng thời, qua phân tích các báo cáo, đề tài chỉ ra hạn chế của hoạt động này và tìm nguyên nhân của hạn chế đó.

*Thứ ba, phương pháp phân tích - tổng hợp* được sử dụng để hệ thống hóa khung lý thuyết và phân tích thực trạng để tìm ra các nguyên nhân của hoạt động NCKH của SV Trường KHXH&NV. Các nguyên nhân được phân tích gồm: Do bản thân SV, do GV hướng dẫn, do tài liệu tham khảo, do cơ chế của trường.

*Thứ tư, nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng* được sử dụng để thực hiện khảo sát sơ bộ qua Google form của 186 SV Trường KHXH&NV về hoạt động NCKH của SV chính quy từ năm nhất đến năm 4 của tất cả các ngành vào tháng 5-6/2026 (Trong đó, năm học gồm năm 1 có 104 (55,9%) SV, năm 2 là 50 (26,9%) SV, năm 3 là 23 (12,4%) SV và năm 4 là 9 (4,8%) SV; Ngành học gồm Báo chí 18 (9,7%) SV, Chính trị/QLNN 21 (11,3%) SV, Công tác xã hội 14 (7,5%) SV, Việt Nam học 24 (12,9%) SV, Luật học 56 (30,1%) SV, Luật Kinh tế 53 (28,5%) SV. Từ đó, tiến hành phân tích, tổng hợp những thông tin thu thập được từ việc khảo sát.

## **3. Kết quả nghiên cứu**

### **3.1. Cơ sở lý luận**

Theo Luật Khoa học và Công nghệ (2013), NCKH là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản

chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn (Quốc hội, 2013, khoản 4 Điều 3). Theo đó, khái niệm NCKH dùng để chỉ các hoạt động nhằm phát triển các quy luật về tự nhiên, xã hội và tư duy được tích lũy thông qua quá trình khám phá và nhận thức một cách bài bản, có phương pháp thích hợp trên cơ sở thực tiễn và có thể ứng dụng vào thực tiễn nhằm đem lại sự phát triển cho bản thân, cho xã hội và sự hạnh phúc của con người. Tức là, NCKH phải nhằm mục tiêu phát triển tri thức mới, các tri thức này phải mang tính phổ quát, có thể khái quát hóa. Từ khái niệm trên, cho thấy NCKH có bốn hệ thống loại hình gồm: Khoa học tự nhiên; Khoa học xã hội và nhân văn; Khoa học kỹ thuật; Khoa học công nghệ.

Chất lượng NCKH là tổng thể các thuộc tính nội tại của đề tài, phản ánh mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn học thuật, tính mới, tính khoa học về mặt phương pháp luận và giá trị khoa học cốt lõi của công trình trước hoặc tại thời điểm nghiệm thu. Đối với một đề tài NCKH được đánh giá là chất lượng khi đảm bảo các tiêu chí đo lường cụ thể sau: 1) Tính mới của đề tài nghiên cứu; 2) Tính khoa học của đề tài nghiên cứu; 3) Tính khả thi và ứng dụng của đề tài nghiên cứu; 4) Sự công nhận học thuật của đề tài nghiên cứu.

### **3.2. Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh**

#### **3.2.1. Phong trào nghiên cứu khoa học của sinh viên**

Kể từ khi thành lập vào năm 2021 đến nay, Trường KHXH&NV luôn chủ động, quan tâm, chú trọng và khuyến khích SV tham gia NCKH, đồng thời cũng xác định đây là một trong những nhiệm vụ hàng đầu nhằm góp phần cho sự phát triển toàn diện theo định hướng chung. Trong các năm học, trên cơ sở các Kế hoạch của Trường Đại học Vinh về NCKH, Nhà trường đã triển khai đầy đủ đến SV toàn trường thông qua việc tổ chức các Hội nghị SV NCKH Trường KHXH&NV, qua Hội nghị phát động phong trào SV NCKH trong toàn trường.

Chính sự chủ động của trường trong triển khai phong trào SV NCKH đã giúp trường bước đầu đạt được kết quả khích lệ. Hằng năm, trường luôn có SV tham gia NCKH và đạt giải thưởng SV NCKH cấp trường. Từ năm 2021-2022 đến nay, trường đã có tổng cộng 16 đề tài dự thi SV NCKH cấp trường Trường Đại học Vinh (1 giải Nhì, 6 giải Ba và 9 giải Khuyến khích), với tổng số 54 SV NCKH (năm học 2021-2022: 4; năm học 2022-2023: 14; năm học 2023-2024: 13; năm học 2024-2025: 6; năm học 2025-2026: 17).

*Bảng 1: Số lượng công trình nghiên cứu khoa học của SV qua các năm*

| Nội dung  | Ngành Chính trị học và Quản lý nhà nước | Ngành Du lịch/Công tác xã hội | Ngành Báo chí | Ngành Luật | Ngành Luật kinh tế |
|-----------|-----------------------------------------|-------------------------------|---------------|------------|--------------------|
| 2021-2022 | 0                                       | 0                             | 0             | 1          | 0                  |
| 2022-2023 | 0                                       | 1                             | 0             | 2          | 1                  |
| 2023-2024 | 0                                       | 1                             | 0             | 0          | 3                  |
| 2024-2025 | 0                                       | 0                             | 0             | 1          | 1                  |
| 2025-2026 | 0                                       | 0                             | 0             | 3          | 2                  |

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Quyết định công nhận giải thưởng SV nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Vinh qua các năm*

#### **3.2.2. Những kết quả đạt được**

Thứ nhất, sự chủ động của SV trong nghiên cứu các đề tài khoa học. Các hoạt động NCKH của Nhà trường như: hội thảo, tập huấn, ngoại khóa chuyên đề... đã thu hút được sự tham gia của SV nhà trường. Có thể kể đến các cuộc hội thảo như: Hội thảo khoa học Quốc gia “Hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới”; Hội thảo khoa học: “Độc lập tư pháp trong xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam”; Hội thảo khoa học “Nghiên cứu và giảng dạy chính trị học trong bối cảnh hiện nay”; Hội thảo Khoa học Quốc gia: “Khoa học Xã hội và Nhân văn: Đào tạo - Nghiên cứu - Ứng dụng”.... (theo thông tin trên Trang chủ Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh; truy cập ngày 01/9/2026).

*Thứ hai, nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động NCKH.* Nhận thức đúng đắn là tiền đề quyết định hành động, khi SV có nhận thức đúng đắn và coi NCKH là cơ hội tự khẳng định bản thân, hiệu quả và chất lượng của các công trình nghiên cứu sẽ tự khắc được nâng tầm một cách bền vững. NCKH giúp SV chuyển hóa lý thuyết khô khan trên giảng đường thành tri thức thực tiễn sinh động, từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh vượt trội khi bước vào thị trường lao động toàn cầu. Do đó, việc chuyển hóa nhận thức của SV về NCKH từ trạng thái bắt buộc để đủ điều kiện sang chủ động để phát triển bản thân là giải pháp then chốt để nâng cao chất lượng nghiên cứu. Từ tầm quan trọng này, tác giả đã tiến hành thu thập và phân tích ý kiến của SV qua câu hỏi về tầm quan trọng của hoạt động NCKH đối với SV. Kết quả cho thấy, rất quan trọng có 84 (45,2%) SV, quan trọng là 90 (48,4%) SV, ít quan trọng là 6 (3,2%) SV, không quan trọng 2 (1,1%) SV và có 4 (2,2%) SV không xác định được mức độ. Kết quả này đã phản ánh tỉ lệ SV các khối ngành của trường đã có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của hoạt động NCKH chiếm tỉ trọng trên 90%, dẫn đến sự chủ động trong đầu tư cho hoạt động NCKH.

*Thứ ba, nhận thức về vai trò của hoạt động NCKH.* NCKH đóng vai trò trang bị kiến thức, kĩ năng, phương pháp nghiên cứu một cách trình tự, phục vụ cho việc học tập và là hành trang đem lại nhiều lợi ích cho SV sau khi ra trường. Để đánh giá về vai trò mà NCKH mang lại cho SV, tác giả đã đưa ra 6 lựa chọn để SV đánh giá về mục đích lớn nhất của việc tham gia NCKH (SV lựa chọn tối đa 2 phương án). Kết quả cụ thể: Tích lũy kiến thức chuyên môn, tư duy sáng tạo, phản biện có 167 (89,8%) lượt SV; Để được cộng điểm rèn luyện và xét danh hiệu thi đua, học bổng có 45 (24,2%) lượt SV; làm quen cách viết khóa luận/đồ án tốt nghiệp là 52 (28%) lượt SV; Nâng cao CV để tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi ra trường là 40 (21,5%) lượt SV; Nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu có 45 (24,2%) lượt SV; Hình thành kỹ năng làm việc khoa học là 20 (10,8%) lượt SV. Các kết quả trên phản ánh một tín hiệu rất tích cực, khi đa số SV đều cho rằng NCKH có vai trò để tích lũy kiến thức chuyên môn, tư duy sáng tạo và phản biện. Điều đó cho thấy, SV không còn nhìn nhận NCKH thuần túy là một nhiệm vụ hành chính bắt buộc (để đủ điều kiện tốt nghiệp hoặc lấy điểm cộng). Ngược lại, họ đã ý thức được giá trị nội sinh mà hoạt động này mang lại cho sự phát triển năng lực của bản thân.

### 3.2.3. Những hạn chế và nguyên nhân

#### a. Những hạn chế của sinh viên Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn trong nghiên cứu khoa học

Bên cạnh những thành tựu mà tác giả đã phân tích ở trên, khi đi sâu phân tích từng số liệu cụ thể, tác giả nhận thấy một số tồn tại, hạn chế trong NCKH của SV trường KHXH&NV. Các tồn tại, hạn chế cụ thể đó là:

*Thứ nhất, chất lượng và tính hiệu quả của các công trình NCKH đã công bố thông qua các cuộc thi “SV nghiên cứu khoa học” của Trường Đại học Vinh chưa cao.* Qua nghiên cứu cụ thể nội dung của các đề tài đã công bố cho thấy, một số đề tài còn mang tính lý thuyết suông, thiếu tính ứng dụng thực tiễn; kỹ năng xử lý số liệu, viết tổng quan tài liệu còn yếu. Trong tổng số 16 đề tài NCKH, thì chỉ có 1 đề tài đạt giải Nhì là “Hoạt động trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Nghệ An” năm 2022, còn lại chủ yếu là các công trình đạt giải ba và khuyến khích. Mặc dù, hằng năm SV của trường đều có đề tài dự thi sinh NCKH cấp Trường Đại học Vinh nhưng dự thi cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ mới có 1 đề tài. Chính điều này cho thấy, sự hạn chế và thiếu hụt các công trình NCKH chất lượng, hiệu quả và có tính áp dụng sâu.

*Thứ hai, sự phân hóa trong NCKH của SV tại các ngành học của trường.* Theo kết quả tổng hợp số lượng công trình cho thấy một nghịch lý NCKH giữa các chuyên ngành với nhau, trong tổng số 16 công trình của 5 năm thì công trình là của SV ngành Luật và Luật Kinh tế đã chiếm gần 90%. Trong khi đó, ngành Chính trị, báo chí, du lịch lại không có một công trình nào mà thực tế lại cho thấy, ba ngành học này có dư địa đề tài cực kỳ phong phú và gắn liền với hơi thở của đời sống xã hội (như truyền thông số, xu hướng chuyển dịch du lịch hậu khủng hoảng hay các vấn đề quản lý công), đặc biệt SV báo chí và du lịch đã đi làm thêm và sẽ nắm bắt được các vấn đề nổi cộm cần nghiên cứu tìm giải pháp giải quyết. Nếu tình trạng này tiếp diễn kéo dài, nó sẽ dẫn đến sự phát triển không đồng đều về chất lượng đầu ra của SV toàn trường, nhất là SV ngành Chính trị, Báo chí, Du lịch sẽ bị suy giảm đáng kể năng lực tư

duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề. Sự thiếu vắng công trình cho thấy nhà trường và các khoa chuyên môn chưa tìm được phương thức kích hoạt phù hợp, chưa giúp SV thấy được mối liên hệ giữa NCKH với kỹ năng tác nghiệp thực tế.

*Thứ ba*, sự hạn chế trong nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động NCKH. Theo kết quả khảo sát tầm quan trọng của NCKH cho thấy, đa số SV đều nhận thức được tầm quan trọng của NCKH nhưng vẫn còn một bộ phận SV vẫn chưa nhận thức được tầm quan trọng hoặc xem nó ít quan trọng (1,2% SV cho rằng không quan trọng và không nhận thức được tầm quan trọng là 2,2%) trong hình thành kiến thức và tư duy. Mặc dù tổng tỷ lệ này chỉ chiếm 3,4% mẫu khảo sát, nhưng nếu không thay đổi được nhận thức của bộ phận này có thể dẫn tới việc nhóm SV có xu hướng tiếp thu tri thức một cách thụ động (học vẹt). Khi thiếu đi tư duy phản biện và năng lực tự giải quyết vấn đề SV sẽ gặp rất nhiều rào cản khi đối mặt với môi trường làm việc thực tế đầy biến động sau khi tốt nghiệp.

*Thứ tư*, sự hạn chế trong nhận thức về vai trò của hoạt động và kế hoạch tham gia NCKH của SV. Kết quả khảo sát mục đích NCKH của SV cho thấy, đa số SV có mục tiêu NCKH nhằm nâng cao tư duy phản biện và hình thành các kỹ năng, tuy nhiên khi kết hợp với số liệu khảo sát về việc tham gia NCKH của SV (có 28 SV chiếm 15,1% cho rằng đã/đang thực hiện đề tài, 123 SV chiếm 66,1% cho biết chưa từng, nhưng có dự định tham gia và 35 SV chiếm 18,8% SV chưa từng và không có ý định tham gia) đã thể hiện sự nghịch lý giữa nhận thức và hành động NCKH. Biết NCKH là tốt và quan trọng là một chuyện, nhưng SV có đủ dũng khí, kỹ năng để dẫn thân thực hiện hay không lại là chuyện khác.

*b. Nguyên nhân của những hạn chế*

Các hạn chế trên cho thấy, số lượng SV tham gia NCKH vẫn còn khá khiêm tốn và các đề tài chất lượng còn thấp. Nhằm tìm hiểu những nguyên nhân dẫn tới việc SV chưa tích cực hoặc sản phẩm nghiên cứu chưa đảm bảo chất lượng, hiệu quả, chúng tôi đã khảo sát nguyên nhân mà SV gặp phải khi thực hiện NCKH và kết quả được thể hiện ở bảng 2.

*Bảng 2: Kết quả khảo sát SV về nguyên nhân làm hạn chế mức độ tham gia nghiên cứu khoa học (có thể chọn nhiều phương án)*

| Nguyên nhân                                                                                                   | Số SV | Tỷ lệ |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|
| Động lực tham gia NCKH chưa rõ ràng                                                                           | 128   | 68,8% |
| Kinh phí hỗ trợ hoạt động NCKH còn hạn chế                                                                    | 59    | 31,7% |
| Nguồn tài liệu tham khảo chuyên sâu và điều kiện, không gian phục vụ nghiên cứu còn hạn chế                   | 56    | 30,1% |
| Khối lượng học tập trên lớp và các nhiệm vụ học tập khác khiến SV khó bố trí thời gian tham gia NCKH          | 76    | 40,9% |
| Việc làm thêm hoặc các hoạt động ngoài học tập khiến SV không đủ thời gian tham gia NCKH                      | 50    | 26,9% |
| SV chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, lợi ích của hoạt động NCKH nên chưa quan tâm hoặc chưa tích cực tham gia | 51    | 27,4% |

Để phân tích sâu nguyên nhân của hạn chế, bài viết đã sử dụng kết quả khảo sát trên để rút ra các nguyên nhân sau:

*Một là*, sự thiếu hụt nghiêm trọng về kỹ năng bổ trợ của SV. Đây là hạn chế lớn nhất và đáng báo động nhất. Theo bảng 2, động lực của SV chưa rõ ràng hoặc tham gia NCKH chỉ để cộng điểm rèn luyện hoặc xét học bổng với 68,8% SV. Một bộ phận SV hiện nay có xu hướng định hướng học tập theo lối ứng phó ngắn hạn. Họ chỉ tập trung vào các học phần bắt buộc, các kỹ năng thực hành để phục vụ việc xin việc trước mắt, mà xem nhẹ việc rèn luyện tư duy nền tảng, tư duy hệ thống vốn là đích đến của NCKH với 27,4% SV cho rằng chưa nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, lợi ích của hoạt động NCKH nên chưa quan tâm hoặc chưa tích cực tham gia. Bên cạnh đó, vẫn còn một số SV cho rằng, NCKH chỉ dành cho SV được xếp loại giỏi, làm mất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến việc làm thêm kiếm thêm thu nhập trang trải học phí và cuộc sống hàng ngày với 26,9% SV.

*Hai là*, sự nghịch lý trong định hướng đề tài giữa GV và SV, nhiều GV có xu hướng gợi ý các đề tài quá tầm hoặc nặng tính lý thuyết. Điều này phản ánh khoảng cách học thuật giữa người hướng dẫn và người thực hiện. GV với tư duy nghiên cứu chuyên sâu đôi khi đặt ra những kỳ vọng quá cao so với

năng lực nền tảng và quỹ thời gian của một SV đại học, vô hình trung tạo ra áp lực quá tải hoặc làm giảm đi sự hào hứng tự thân của SV.

Ba là, hạn chế về mặt kinh phí hỗ trợ. Qua khảo sát thì có tới SV với 31,7% SV cho rằng hỗ trợ hoạt động NCKH còn hạn chế là nguyên nhân hạn chế tham gia NCKH của SV. Đối với các đề tài thuộc khối KHXH&NV, việc đi thực địa, khảo sát xã hội học, phỏng vấn sâu nhân chứng đòi hỏi chi phí đi lại và in ấn không nhỏ. Nguồn kinh phí hỗ trợ hạn hẹp có thể là nguyên nhân khiến các nhóm nghiên cứu phải co hẹp quy mô mẫu, làm giảm tính đại diện và độ tin cậy của dữ liệu công trình.

### **3.3. Giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học cho sinh viên**

*3.3.1. Nhóm giải pháp về phía Trường Đại học Vinh, Trường Khoa học Xã hội & Nhân văn và giảng viên trong nâng cao nhận thức và động lực nghiên cứu khoa học của sinh viên*

Để khuyến khích SV NCKH, nhà trường cần chủ động nâng định mức hỗ trợ tài chính cho mỗi đề tài được dự thi đạt giải, đặc biệt là các đề tài có tính thực địa và thực nghiệm cao. Bên cạnh ngân sách hoạt động khoa học công nghệ của Trường Đại học Vinh thì Trường KHXH&NV cần chủ động kết nối, tìm kiếm nguồn tài trợ từ các quỹ đầu tư giáo dục, doanh nghiệp và hiệp hội nghề nghiệp địa phương. Việc đa dạng hóa nguồn lực tài chính không chỉ giúp SV có đủ điều kiện để thực hiện các cuộc điều tra xã hội học quy mô, chính xác mà còn nâng cao chất lượng thực chất cho dữ liệu nghiên cứu.

Nhà trường cần tạo ra các không gian giao lưu học thuật thân thiện, gần gũi như thành lập các Câu lạc bộ SV NCKH hoặc các diễn đàn đối thoại mở. Tại đây, SV được tự do tranh biện, kết nối các ý tưởng đa ngành mà không sợ bị phán xét về tính đúng sai tối thượng. Việc chứng kiến bạn bè đồng trang lứa tự tin trình bày quan điểm và gạt hái thành công sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, kích thích tinh thần thi đua học thuật lành mạnh trong toàn thể SV trường, từ đó khơi dậy niềm đam mê NCKH của SV.

Nâng cao năng lực học thuật của SV thông qua tổ chức hội thảo NCKH, chuỗi tọa đàm, workshop chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu (định tính, định lượng, cách sử dụng các phần mềm SPSS,...) cấp khoa, cấp trường nhằm tạo cơ hội cho SV được tiếp cận gần hơn với khoa học.

Một trong những rào cản làm giảm động lực của cả GV lẫn SV là các thủ tục giấy tờ hành chính rườm rà. Nhà trường cần ứng dụng chuyển đổi số toàn diện vào quản lý khoa học thông qua cổng thông tin NCKH trực tuyến. Sự tinh gọn này sẽ giải phóng tối đa thời gian và trí lực cho các nhóm nghiên cứu, giúp SV tập trung hoàn toàn vào hàm lượng khoa học của công trình thay vì mệt mỏi với các thủ tục hồ sơ.

GV hướng dẫn cần đóng vai trò là người truyền lửa, giúp SV thấy được giá trị thực tế của đề tài đối với cộng đồng. Nhà trường cần xây dựng đội ngũ GV có năng lực về chuyên môn và NCKH từ hình thành nhóm nghiên cứu đến phân chia công việc nhóm. Đồng thời, GV cần kết hợp SV trong công bố khoa học. Bên cạnh đó, xây dựng các nhóm nghiên cứu trọng điểm (kết hợp GV - SV). GV là trưởng nhóm (đóng vai trò định hướng chiến lược, đào tạo phương pháp luận và kiểm soát chất lượng), SV là trợ lý nghiên cứu (được phân công các phần việc vừa sức như tổng quan tài liệu, thu thập số liệu thô hoặc hỗ trợ phân tích dữ liệu), hướng tới mục tiêu đồng công bố trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

#### *3.3.2. Nhóm giải pháp từ phía sinh viên*

SV cần chủ động phát huy tinh thần tự học thay vì thụ động chờ đợi các lớp tập huấn. Trong kỷ nguyên số, SV cần tận dụng các khóa học trực tuyến miễn phí (MOOCs), các bài giảng mở từ các học viện uy tín để tự trang bị cho mình kỹ năng quản trị tài liệu tham khảo, kỹ năng trích dẫn chuẩn quy chuẩn (APA) và đặc biệt là kỹ năng xử lý dữ liệu. Việc làm chủ các công cụ hỗ trợ này giúp SV tự tin hơn khi đối diện với các khối dữ liệu thực tế phức tạp, đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của công trình.

SV nên chủ động tham gia vào các Câu lạc bộ NCKH, các diễn đàn SV NCKH tại Khoa và Trường. Việc thường xuyên trao đổi, tranh biện chuyên môn với bạn bè giúp các SV mở rộng góc nhìn đa chiều, kích thích động lực học tập nội sinh và lan tỏa tinh thần đam mê khoa học một cách bền vững.

Trong NCKH, SV nghiêm túc khảo sát thực địa, việc khảo sát thực địa sẽ giúp đề tài có số liệu khách quan và tìm ra hướng giải quyết vấn đề một cách tích cực. Những số liệu, thông tin sống động thu được trực tiếp từ đối tượng khảo sát tại thực địa chính là những bằng chứng thực tiễn khách quan nhất, có độ tin cậy cao, tạo nền móng vững chắc xây dựng pháp giải quyết vấn đề, từ đó nâng cao tính hiệu quả và chất lượng của đề tài.

### 3.3.3. Giải pháp về đảm bảo nguồn tài liệu tham khảo

Thư viện số Nguyễn Thúc Hào, Đại học Vinh cần được tối ưu hóa giao diện theo hướng thân thiện, thông minh, tích hợp các bộ lọc tìm kiếm nâng cao theo từ khóa, tác giả, năm xuất bản và chuyên ngành hẹp. Đồng thời, thư viện trường cần xây dựng các video hướng dẫn ngắn, các cuốn cẩm nang điện tử hướng dẫn quy trình khai thác tài nguyên số, kỹ thuật tìm kiếm bài báo khoa học và bố trí đội ngũ tư vấn viên trực tuyến để hỗ trợ giải đáp kỹ thuật, cấp quyền truy cập từ xa cho SV một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất.

### 3.3.4. Thúc đẩy ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn phát triển địa phương

Để thể hiện đề tài đảm bảo chất lượng và hiệu quả, sau khi công trình được hội đồng khoa học nghiệm thu và đánh giá cao, nhà trường cần hỗ trợ nhóm nghiên cứu xây dựng các báo cáo khuyến nghị chính sách, cẩm nang hướng dẫn hoặc mô hình giải pháp trực quan để gửi trực tiếp cho chính quyền địa phương nơi khảo sát. Đối với các đề tài mang tính ứng dụng cao, cần có cơ chế cho phép SV tiếp tục triển khai dự án thử nghiệm ngay tại địa bàn để kiểm chứng và hoàn thiện hiệu quả thực tế.

## 4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra những gam màu sáng và các “điểm nghẽn” mang tính cấu trúc trong phong trào NCKH tại Trường KHXXH&NV, Đại học Vinh. Mặc dù nhận thức của SV về tầm quan trọng của NCKH ở mức cao (trên 90%), tỷ lệ tham gia thực tế vẫn còn khiêm tốn (chỉ 15,1% đã và đang thực hiện đề tài), đồng thời xuất hiện sự chênh lệch lớn giữa các ngành (khối Luật chiếm ưu thế, trong khi các ngành Báo chí, Chính trị, Du lịch còn bỏ ngỏ). Các rào cản chính bao gồm: thiếu kỹ năng phương pháp luận nền tảng (85,5%), áp lực thời gian/kinh phí (41,9%) và độ vênh trong định hướng đề tài giữa GV và SV (52,7%). Từ những phát hiện thực nghiệm trên, nghiên cứu đề xuất 5 nhóm giải pháp chiến lược. Việc thực thi đồng bộ các giải pháp này sẽ tạo động lực mạnh mẽ để nâng tầm chất lượng học thuật của SV trong giai đoạn phát triển mới.

### Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17/9/2021 quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học*.
- Hội đồng trường Trường Đại học Vinh (2021). *Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 21/7/2021 về thành lập Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Trường Đại học Vinh*.
- Hội đồng trường Trường Đại học Vinh (2022). *Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 18/10/2022 tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Vinh*.
- Huỳnh Quốc Thắng (2021). Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học gắn trong hoạt động dạy và học ở các trường đại học. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 5(4), 1384–1398. <https://doi.org/10.32508/stdjssh.v5i4.692>
- Nguyễn Thị Thùy Giang, Nguyễn Hữu Lập (2023). Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên các trường đại học. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/09/12/nang-cao-chat-luong-nghien-cuu-khoa-hoc-cua-giang-vien-cac-truong-dai-hoc/>. ngày 12 tháng 9.
- Quốc hội (2013). *Luật Khoa học và Công nghệ*. Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013.
- Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh. <https://cssh.vinhuni.edu.vn/trang-chu.html>. ngày 01/9/2026.